

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày 03-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 521/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyền định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh H, sinh năm 1988

Cư trú: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Kiêm Th, sinh năm 1964

Cư trú: Số đường N, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ánh H trình bày:

Do quen biết nên ngày 22/4/2021, bà H có cho ông Huỳnh Kiêm Th vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng; không thỏa thuận về thời hạn vay. C ng ngày, bà H đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho ông Th nên ông Th lập biên nhận thừa nhận nợ và giao biên nhận này cho bà H giữ. Quá trình vay, ông Th có trả lãi theo đúng thỏa thuận, nhưng kể từ ngày 01/5/2022 thì ông bắt đầu vi phạm nghĩa vụ của bên vay, ông không còn trả lãi cho bà H lần nào nữa mặc dù bà H đã yêu cầu nhiều lần. Sau đó, đến ngày 01/8/2022 ông Th viết cam kết sẽ trả nợ cho bà H, cụ thể: từ ngày 01/8/2022 đến 31/8/2022: trả gốc 20.000.000 đồng + lãi tháng 5,6 và 7/2022 với số tiền 4.550.000 đồng + lãi của tháng 8 tính đến ngày trả gốc; từ ngày 01/9/2022 đến 30/9/2022: trả gốc 20.000.000 đồng + lãi tính đến ngày trả gốc; từ ngày 01/10/2022 đến 31/10/2022: trả gốc 20.000.000 đồng + lãi tính đến ngày trả gốc; từ ngày 01/11/2022 đến 30/11/2022: trả gốc 20.000.000 đồng + lãi tính đến ngày trả gốc và từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022: trả gốc 20.000.000 đồng + lãi tính đến ngày trả gốc.

Tuy nhiên, mặc dù ông Th đã viết giấy cam kết ngày 01/8/2022 với nội dung như trên, nhưng từ đó đến nay ông chưa thực hiện việc trả gốc hoặc lãi lần nào cho bà H và cố tình lẩn tránh.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Huỳnh Kiêm Th phải trả cho bà H số tiền vốn là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/5/2022 đến khi xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận 1,5 /tháng. Về số tiền lãi bà H đã nhận của ông Th từ khi vay đến trước ngày 01/5/2022 thì bà không yêu cầu xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc d được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông Huỳnh Kiêm Th đều vắng mặt, không c văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh H. Tại phiên tòa, ông Th tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh H, buộc ông Huỳnh Kiêm Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến khi xét xử theo mức lãi suất thoả thuận 1,5 /tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu c trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ánh H khởi kiện ông Huỳnh Kiêm Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo phiếu xác minh ngày 29/11/2022 do Công an phường M cung cấp thì ông Th cư trú tại số đường N, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc d được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Kiêm Th tiếp tục vắng mặt không lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Ánh H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Ánh H khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Kiêm Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/5/2022 đến khi xét xử theo mức lãi suất thoả thuận 1,5%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính biên nhận ngày 22/4/2021 và giấy cam kết trả nợ ngày 01/8/2022 của ông Huỳnh Kiêm Th.

Quá trình giải quyết vụ án, dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Huỳnh Kiêm Th đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông Th cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc d , theo kết quả xác minh ngày 29/11/2022 do Công an phường M cung cấp hiện ông Th đã bán nhà và không còn ở địa phương, nhưng thấy rằng ông Th là người có nghĩa vụ trả nợ, nhưng sau khi thay đổi nơi cư trú thì ông không thông báo địa chỉ mới cho bà H biết, điều này thể hiện ông Th cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết và căn cứ vào bản chính biên nhận ngày 22/4/2021 và giấy cam kết trả nợ ngày 01/8/2022 của ông Huỳnh Kiêm Th với bà Nguyễn Ánh H để xác định giữa bà H và ông Th có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời

hạn vay. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Mặc dù, bà H đã yêu cầu ông Th trả nợ nhiều lần, ông Th cũng cam kết sẽ trả tiền cho bà H theo nội dung thể hiện tại giấy cam kết ngày 01/8/2022, nhưng ông Th đã không thực hiện, vì vậy ông đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc bà H khởi kiện để yêu cầu ông Th c trách nhiệm trả 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng từ ngày 01/5/2022 đến khi xét xử là ph hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự, nên c căn cứ để chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 01/5/2022 đến ngày xét xử (ngày 03/02/2023) là 09 tháng 02 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 13.600.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền vốn và lãi ông Th phải thanh toán cho bà H là 113.600.000 đồng (vốn 100.000.000 đồng + lãi 13.600.000 đồng).

[3] Về án phí: Ông Huỳnh Kiêm Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Nguyễn Ánh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh H đối với ông Huỳnh Kiêm Th.

Buộc ông Huỳnh Kiêm Th c trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ánh H tổng số tiền 113.600.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí: Ông Huỳnh Kiêm Th phải chịu 5.680.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ánh H được nhận lại 2.690.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001039, ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Đương sự c mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự c quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự c quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hà Thị Chiên

